

Số: 161/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 1987

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC THU LỆ PHÍ DUY TU VÀ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1983;

- Căn cứ Nghị định số 10/HĐBT ngày 20-5-1987 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về việc phân loại vốn và phân cấp quản lý hệ thống đường bộ;

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa 3 kỳ họp lần thứ 9 ngày 29-7-1987 về việc thực hiện thí điểm việc thu lệ phí giao thông để góp phần vào vốn đầu tư sửa chữa cầu đường, bến bãi. Lệ phí thu trên đầu phương tiện cơ giới và thô sơ (trừ xe đạp);

- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Giám đốc Sở Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá thành phố Hồ Chí Minh;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1.- Nay tạm thời thu lệ phí để duy tu và sửa chữa cầu đường bộ, gọi tắt là lệ phí cầu đường, đối với tất cả các loại phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại thành phố Hồ Chí Minh, chạy trên đường giao thông công cộng với biểu giá kèm theo quyết định này.

ĐIỀU 2.- các loại phương tiện vận tải công và tư được thu và miễn thu lệ phí cầu đường là:

A- Loại phương tiện vận tải thu lệ phí cầu đường:

a) Các loại xe cơ giới 4 bánh trở lên.

b) Các loại xe gắn máy 3 và 2 bánh.

c) Các loại xe thô sơ chuyên dùng làm vận tải như: xe ba gác, xe xích lô, xe

súc vật kéo.

B- Loại phương tiện vận tải miễn thu thuế lệ phí cầu đường:

a) Xe các cơ quan ngoại giao nước ngoài.

b) Các loại xe quân sự và công an nhân dân vũ trang không tính xe quân sự và công an nhân dân vũ trang chuyên làm kinh tế.

c) Các loại xe chuyên dùng: xe cứu hỏa, xe vệ sinh, xe cứu thương, xe lu cán đường.

ĐIỀU 3.- Lệ phí cầu đường đóng theo kỳ hạn 6 tháng và 1 năm một lần, thời gian đóng lệ phí chậm nhất là cuối tháng thứ nhất trong kỳ hạn quy định:

Các loại xe cơ quan 3 và 4 bánh đóng lệ phí 6 tháng 1 lần.

Các loại xe gắn máy 2 bánh và thô sơ đóng lệ phí 1 năm 1 lần.

ĐIỀU 4.- Chủ phương tiện có phương tiện vận tải trong diện đóng lệ phí cầu đường nếu không thực hiện đầy đủ theo quy định thì bị phạt tiền đến mức không được cấp phiếu lưu hành xe và xử lý theo luật hiện hành về giao thông đường bộ.

ĐIỀU 5.- Số thu lệ phí cầu đường dùng để bổ sung thêm cho vốn duy tu và sửa chữa cầu đường hàng năm, không nằm trong Ngân sách chung của thành phố. Giao cho Sở Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp cùng với Sở giao thông vận tải tổ chức thu lệ phí, quy định chế độ quản lý sử dụng và hạch toán cụ thể đối với nguồn kinh phí này.

ĐIỀU 6.- Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban vật giá, Công an thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn triển khai và đôn đốc kiểm tra thực hiện các điều khoản quy định trên.

Các đồng chí Chánh Văn phòng, Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị, cá nhân có phương tiện vận tải có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**KT/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Khắc Bình**

BIỂU GIÁ CƯỚC THU LỆ PHÍ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG
CHO CÁC LOẠI XE

(Ban hành kèm theo quyết định số: 161/QĐ-UB ngày 21-8-1987
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I.- LOẠI XE CƠ GIỚI:	MỨC THU
<i>a) Xe ô tô vận tải hàng hóa:</i>	
- Loại xe có sức chở dưới 2 tấn	300đ/tháng
- Loại xe có sức chở từ 2 tấn đến dưới 5 tấn	400đ/tháng
- Loại xe có sức chở từ 5 tấn đến dưới 7 tấn	500đ/tháng
- Loại xe có sức chở từ 7 tấn đến dưới 12 tấn	600đ/tháng
- Loại xe có sức chở từ 12 tấn trở lên	800đ/tháng
<i>b) Xe ô tô vận tải hành khách</i>	
- Loại xe có 4 chỗ ngồi	200đ/tháng
- Loại xe có từ trên 4 chỗ ngồi đến 12 chỗ ngồi	300đ/tháng
- Loại xe có từ trên 12 chỗ ngồi đến 25 chỗ ngồi	400đ/tháng
- Loại xe có từ trên 25 chỗ ngồi đến 40 chỗ ngồi	500đ/tháng
- Loại xe có trên 40 chỗ ngồi	600đ/tháng
<i>c) Xe con, xe du lịch các loại</i>	200đ/tháng
<i>d) Xe cần cẩu bánh lốp các loại</i>	
- Loại xe có tải trọng dưới 5 tấn	400đ/tháng
- Loại xe có tải trọng từ 5 tấn đến dưới 7 tấn	500đ/tháng
- Loại xe có tải trọng từ 7 tấn đến dưới 10 tấn	600đ/tháng
- Loại xe có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 15 tấn	800đ/tháng

- Loại xe có tải trọng từ 15 tấn trở lên	1.000đ/tháng
<i>e) Xe kéo móc các loại (sức kéo dưới 5 tấn)</i>	800đ/tháng
<i>f) Xe kéo móc các loại (sức kéo trên 5 tấn)</i>	1.000đ/tháng

II.- XE GẮN MÁY CÁC LOẠI:

a) Loại xe 2 bánh gắn máy:- Từ 90cc trở xuống	30đ/tháng
- Trên 90cc	100đ/tháng
b) Loại xe ba gác máy, xích lô máy	200đ/tháng
c) Xe lam ba bánh	400đ/tháng

III.- XE THÔ SƠ CÁC LOẠI:

a) Xích lô đạp, ba gác đạp	100đ/tháng
b) Xe súc vật kéo	200đ/tháng

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH